

CHÍNH PHỦ
Số: 41/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 1997

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành điều lệ mẫu Hợp tác xã Thương mại

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thương mại.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Thương mại có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ mẫu này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những qui định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ./.

ĐIỀU LỆ MẪU HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 41/CP ngày 29 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa Hợp tác xã thương mại:

Hợp tác xã thương mại là tổ chức kinh tế của những người có nhu cầu, có lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức, lập ra theo Luật Hợp tác xã và Điều lệ mẫu này, để kinh doanh thương mại và dịch vụ thương mại nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và từng xã viên, phát triển mạng lưới kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của xã viên và của cộng đồng.

Điều 2. Phạm vi áp dụng của Điều lệ mẫu:

Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thương mại áp dụng cho những Hợp tác xã có một hoặc một số nội dung hoạt động quy định tại khoản 3, Điều 5 của Điều lệ mẫu này.

Điều 3. Tên, biểu tượng, địa chỉ, điện thoại, Fax, vốn Điều lệ của Hợp tác xã Thương mại:

Điều lệ cụ thể của Hợp tác xã Thương mại phải ghi tên Hợp tác xã (tên cụ thể viết đầy đủ bằng tiếng Việt và tên viết tắt); biểu tượng (nếu có), ghi rõ địa chỉ của trụ sở chính, số điện thoại, số Fax (nếu có) và mức vốn điều lệ.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã Thương mại:

Hợp tác xã Thương mại được tổ chức theo các nguyên tắc quy định tại Điều 7 Luật Hợp tác xã, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật này.

Điều 5. Mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của Hợp tác xã Thương mại:

1/ Để thành lập, 1 Hợp tác xã Thương mại phải có ít nhất 15 xã viên; đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa phải có ít nhất 7 xã viên.

2/ Hợp tác xã Thương mại được tổ chức theo từng thôn, ấp, phường hoặc xã. Tùy theo nhu cầu, khả năng của xã viên và năng lực quản lý, Hợp tác xã mở rộng quy mô tổ chức, không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3/ Nội dung hoạt động kinh doanh:

Hợp tác xã có thể lựa chọn lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ thương mại mà pháp luật không cấm:

a) Tổ chức tiêu thụ hàng nông, lâm, thủy, hải sản, thực phẩm do xã viên và các đối tượng khác trên địa bàn sản xuất ra; bán các sản phẩm, hàng hoá, vật tư phục vụ sản xuất và đời sống.

b) Làm đại lý mua, bán hàng hoá cho thương nghiệp quốc doanh và các thành phần kinh tế khác kể cả mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội, phục vụ đồng bào miền núi ở vùng sâu, vùng xa.

c) Tổ chức thu mua, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản để tăng giá trị, nâng cao chất lượng hàng hoá đưa ra lưu thông, tham gia xuất khẩu, góp phần cải thiện đời sống của xã viên và nhân dân trên địa bàn.

d) Kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ, khách sạn với nhiều hình thức và quy mô khác nhau, phù hợp với nhu cầu thị trường.

e) Kinh doanh dịch vụ thương mại với nhiều loại hình khác nhau phù hợp với nhu cầu của thị trường và khả năng của Hợp tác xã.

Điều 6. Tư cách pháp nhân và tự chủ tài chính của Hợp tác xã Thương mại:

1- Hợp tác xã có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2- Là chủ thể kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập, bình đẳng trước pháp luật với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

3- Hợp tác xã có con dấu riêng, được mở tài khoản (kể cả tài khoản tiền nước ngoài) tại ngân hàng.

4- Hợp tác xã tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bằng tài sản của mình; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ số vốn và tài sản thuộc sở hữu Hợp tác xã.

Điều 7. Cơ quan quản lý Nhà nước đối với Hợp tác xã Thương mại:

Hợp tác xã chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý chuyên ngành theo các quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Hợp tác xã thương mại:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội khác và tổ chức dân quân tự vệ trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức này.

CHƯƠNG II

XÃ VIÊN HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI

Điều 9. Điều kiện trở thành xã viên Hợp tác xã thương mại:

Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tán thành Điều lệ Hợp tác xã thương mại, tự nguyện làm đơn xin gia nhập đều được kết nạp vào Hợp tác xã thương mại.

Điều 10. Xã viên là đại diện hộ gia đình:

Hộ gia đình có nhu cầu và tự nguyện tham gia Hợp tác xã thương mại thì phải cử đại diện cho hộ có đủ tiêu chuẩn xã viên để viết đơn xin gia nhập Hợp tác xã Thương mại. Người đại diện cho hộ xã viên hợp tác xã thương mại có quyền và nghĩa vụ như một xã viên khác.

Điều 11. Quyền lợi của xã viên:

- 1- Tham gia các kỳ đại hội, hoặc cử đại biểu dự đại hội và các cuộc họp xã viên để thảo luận, biểu quyết những công việc của Hợp tác xã.
- 2- Ứng cử, đề cử và bầu cử người vào Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc các chức danh khác của Hợp tác xã.
- 3- Được đề đạt ý kiến với Ban Quản trị, Chủ nhiệm và Ban Kiểm soát về hoạt động, tổ chức quản lý của Hợp tác xã và yêu cầu được trả lời.
- 4- Được yêu cầu Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội xã viên bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của Điều lệ mẫu này.
- 5- Được cung cấp thông tin về nhu cầu, khả năng cung ứng, giá cả, chất lượng của hàng hoá và dịch vụ, về hình thức cũng như phương thức phục vụ trong từng thời gian cụ thể.
- 6- Những xã viên lao động trực tiếp trong Hợp tác xã được Hợp tác xã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ theo khả năng của Hợp tác xã.
- 7- Được chia lãi hàng năm theo vốn góp, công sức đóng góp và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã.
- 8- Được hưởng các phúc lợi chung của Hợp tác xã. Những xã viên lao động trong Hợp tác xã được tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
- 9- Được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người là xã viên theo những thủ tục do Đại hội xã viên quy định. Việc chuyển nhượng này chỉ được thực hiện khi tổng số vốn góp cũ và mới của người được chuyển nhượng không vượt quá giới hạn quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 24 của Điều lệ mẫu này.

10- Được ưu tiên làm việc cho Hợp tác xã và được trả công theo hợp đồng lao động giữa Hợp tác xã và xã viên.

11- Được xin ra Hợp tác xã Thương mại; khi xin ra Hợp tác xã phải có đơn gửi Ban Quản trị trước 60 ngày. Người xin ra Hợp tác xã được Hợp tác xã trả lại vốn góp và các lợi ích khác (nếu có) theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 24 Điều lệ này. Trong trường hợp xã viên bị chết, việc thừa kế vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của xã viên theo quy định của pháp luật.

12- Được khen thưởng theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

13- Xã viên Hợp tác xã Thương mại được tham gia nhiều Hợp tác xã không cùng lĩnh vực và ngành nghề mà Hợp tác xã đang kinh doanh.

Điều 12. Nghĩa vụ của xã viên:

1- Chấp hành Điều lệ, Nội quy của Hợp tác xã Thương mại và các Nghị quyết của Đại hội xã viên.

2- Góp vốn theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

3- Có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Hợp tác xã; thực hiện đầy đủ các cam kết kinh tế đối với Hợp tác xã. Những xã viên lao động trong Hợp tác xã có nghĩa vụ đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4- Trong phạm vi vốn góp của mình, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ, rủi ro, thiệt hại và các khoản lỗ của Hợp tác xã.

5- Bồi thường thiệt hại do mình gây ra đối với Hợp tác xã theo Nghị quyết của Đại hội xã viên.

Điều 13. Chấm dứt tư cách xã viên:

1- Tư cách xã viên Hợp tác xã thương mại chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Xã viên chết;

b) Xã viên đã chuyển hết vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ xã viên cho người khác theo quy định tại khoản 9 Điều 11 của Điều lệ mẫu này;

c) Xã viên được chấp nhận ra Hợp tác xã theo Nghị quyết của Đại hội xã viên;

d) Xã viên mất năng lực hành vi dân sự; e) Xã viên bị Đại hội xã viên khai trừ.